TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3- 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Yến

2. Ông Phạm Văn Úy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền- KSV

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020 /QĐXX-ST, ngày 06 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Th - Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Xóm 3, xã Nga B, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Xóm 3, xã Nga B, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/01/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào ngày 28/8/1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga B. Trong trình chung sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, xảy ra xung đột cãi cọ. Sau đó anh đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Khi về thăm nhà chị T thường sinh sự, cản trở không cho anh vào nhà. Vì vậy, hai bên đã sống ly thân 1 năm, không ai còn quan tâm đến nhau. Nay anh đề nghị Tòa án xem xét để ly hôn chị T theo quy định;Về con: Quá trình chung sống giữa anh và chị T có 4 con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Nguyễn Thị D, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Th, sinh năm 1999 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 03/5/2008. Hiện tại các cháu T, D, Th đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Sau ly hôn anh Th đồng ý giao cháu N cho

chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu N đến tuổi trưởng thành;về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: chị thống nhất về thời gian chung sống cùng anh Th. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh Th bất đồng quan điểm do anh Th có quan hệ ngoại tình. Anh Th đề nghị ly hôn, chị hoàn toàn đồng ý; Về con chị nhất trí như lời trình bày của anh Th về con chung. Tuy nhiên cháu N còn nhỏ, chị đồng ý như đề nghị của anh Th giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và anh Th cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu N trưởng thành chị không có ý kiến gì; Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân, tiến hành hòa giải về con chung và tài sản theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Th có đơn xin xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên các ý kiến về ly hôn, con chung và tài sản như đã trình bày. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng; về con giao cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 03/5/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên miễn xét; về án phí anh Th phải chịu án phí DSST về việc ly hôn và án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

* Về tố tụng: Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[1] Về hôn: Theo các đương sự trình bày: Năm 1990, anh Th và chị T về chung sống cùng nhau, có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nga B. Quá trình chung sống hai bên thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm không thể duy trì. Anh Th và chị T thống nhất ly hôn. Xét thấy, anh Th và chị T khi xây dựng cuộc sống chung đảm bảo điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền mà lại chung sống như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Do đó, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, qúa trình chung sống như vợ chồng của anh Th và chị T đã tồn tại trong thời gian dài. Đồng thời các đương sự đều đề nghị giải quyết ly hôn. Xét việc đề nghị của các đương sự là hoàn toàn chính đáng, nhưng không có cơ sở để giải quyết ly hôn. Căn cứ vào Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình "Không công nhận quan hệ của anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng" là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con: Quá trình chung sống anh Th và chị Toan có 04 con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Nguyễn Thị D, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Th, sinh năm 1999 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 03/5/2008. Hiện tại các cháu T, D, Th đã trưởng thành nên các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Sau ly hôn, các đương sự đồng ý giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu N đến tuổi trưởng thành;

Xét đề nghị xin được nuôi con, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung; mức cấp dưỡng nuôi con của chị T là chính đáng. Để đảm bảo quyền lợi cũng như sự chăm sóc cháu N về mọi mặt, nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp ý kiến của anh Th.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về con: Giao cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 03/5/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1.000.000 (*Một triệu đồng*)/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 3/2020 cho đến khi cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí DSST là 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và anh còn phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*); Tổng cộng là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0010652 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn; anh Th còn phải nộp 300.000đ án phí DSST;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự

4. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GĐ- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ